ĐIỀU TRA KHẢO CỔ HỌC CỬA BIỂN LẠCH TRƯỜNG (THANH HÓA) NĂM 2025

ĐINH THỊ THANH NGA*

1. Mở đầu

Thanh Hóa là một tỉnh nằm trong khu vực Bắc Trung Bộ. Đây là một dải đất hẹp với dạng địa hình chung là vùng núi cao ở phía Tây, tiếp đến là một dải đồng bằng hẹp ven biển và đường bờ biển dài. Khu vực này có nhiều sông ngòi, sông thường ngắn và dốc, đổ thẳng ra biển Đông. Bờ biển Thanh Hóa có hướng gần Bắc - Nam hơi chếch về Bắc - Đông Bắc, hầu như toàn bộ bờ biển là do bồi tụ phù sa tạo nên. Đường bờ biển Thanh Hóa còn bị cắt xẻ bởi các lạch do sông Mã, sông Yên… tạo thành các cửa lạch: Lạch Sùng, Lạch Trường, Lạch Hới, Lạch Mon, Lạch Bạng. Ngoài ra có một số núi nằm sát ngay cửa biển như Trường Lệ, Biện Sơn, Linh Trường... Mặc dù là một tỉnh có đường bờ biển dài (102km) và hệ thống sông ngòi dày đặc song do đặc điểm địa hình nên không thuận lợi cho việc hình thành các cảng lớn. Tuy nhiên, do vị trí địa lý thuận lợi, khu vực này có một số cảng đã được phát hiện và nghiên cứu như: Lạch Trường (Y Bích), Hội Thống, Biện Sơn…(Trịnh Cao Tưởng 2002: 76; Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Viện Nghiên cứu Di sản văn hóa biển Hàn Quốc 2020: 21).

Không giống như Vân Đồn, các cảng ở Thanh Hóa nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ nói chung, phần lớn đều hình thành từ cửa sông đổ ra biển (khu vực cửa biển), nên chịu ảnh hưởng rất mạnh của phù sa sông. Phù sa đã làm cho vị trí của các cảng không ngừng tiến ra biển. Trong đợt khảo sát của G.Dumoutier vào cuối thế kỷ XIX, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã phát hiện một ngôi đền thuộc làng Bồ Hải được xây dựng trên bờ biển từ thế kỷ XI (theo bia đá), nhưng đến thế kỷ XIX thì ngôi làng này đã cách xa biển 30km, nên tác giả cũng nhận định rằng vùng châu thổ đã xâm lấn ra biển khoảng 30m/năm (Gustave Dumoutier 2020: 14-15). Theo những tài liệu khảo sát của các nhà nghiên cứu trước đây, từ thời Lý - Trần cho đến nay bờ biển đã lùi xa ra phía Đông từ 3 - 10km (Trịnh Cao Tưởng 2002: 76). Do vậy, dấu vết của các thời kỳ lịch sử, phần lớn đã bị chôn vùi trong lòng đất.

Cho đến nay, không nhiều nghiên cứu về các cảng ở Thanh Hóa, đặc biệt là cảng Lạch Trường nhưng nó vẫn được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu một cách gián tiếp.

Đầu tiên là các nghiên cứu địa lý học lịch sử, tiêu biểu như công trình "*Nghiên cứu bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV*" của học giả người Pháp Gustave Dumoutier. Ấn phẩm được xuất bản năm 1896, sau đó được Nguyễn Văn Trường dịch và xuất bản năm 2020. Đây cũng là tài liệu sớm nhất hiện biết về địa lý học lịch sử, bản đồ học lịch sử và lịch sử giao thông Việt Nam thời cổ. Công trình gồm một tập 25 tờ chú thích và 24 tấm bản đồ nối tiếp từ Kinh thành Thăng Long đến cố đô Vương quốc Champa cùng với phụ lục là hai hành trình đường bộ và đường thủy mà tác giả cho biết: "Đây là một tài liệu quân sự, được thiết lập dựa trên các thông tin thu thập được khoảng cuối thế kỷ XV của các phái viên do vua Lê Thánh Tông cử đi mật thám để vẽ chuẩn bị cho việc thôn tính Champa được thuận lợi" (Gustave Dumotier 2020: 8). Qua việc nghiên cứu bằng phép đối chiếu bản đồ và đi thực tế, tác giả đã nêu lên những thay đổi khá quan trọng từ ba thế kỷ tại một số điểm miền

* Viện Khảo cổ học

duyên hải Trung kỳ và Bắc kỳ. Trong *Tập Hải đồ* này, Lạch Trường đã được nhắc đến với cái tên "Bích Môn" (Bản đồ VI, số ghi chú 117) và kênh Trường (số ghi chú 116) ngày nay được gọi là kênh De, nối sông Lạch Trường với sông Lèn. Tuy nhiên, PGS.TS. Trần Trọng Dương mới đây đã chỉ ra một số lỗ hổng về văn bản học và sử liệu cần phải thảo luận và chú giải lại. Theo ông, rất khó để khẳng định đây là một tập bản đồ được biên soạn vào thời vua Lê Thánh Tông. G. Dumoutier đã dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư* để khẳng định rằng người vẽ bản đồ là thổ dân Nguyễn Vũ được vua Lê Thánh Tông sai vẽ sau năm 1471. Thế nhưng, theo Trần Trọng Dương nghiên cứu này không thấy có mô tả hiện trạng thư tịch, giám định niên đại biên soạn, giám định niên đại định bản, hệ thống truyền bản của văn bản được sử dụng. 25 trang văn và 24 trang bản đồ không có thông tin nào về tên bản đồ, người soạn, người vẽ, người chép. Theo Trần Trọng Dương, thực chất đây là các bản đồ đã vẽ lại của Dumoutier trên một bản đồ cổ nào đó mà ta không biết được lai lịch. Và dù cố gắng sao chép nguyên xi với nỗ lực lớn nhất, tác giả cũng đã chép nhầm, sao nhầm nhiều địa danh, nhiều văn tự nhầm lẫn, và các lỗi phiên âm, ấy là chưa kể cái sai vốn có của các bản đồ này (Trần Trọng Dương 2020). Nên khi tiếp cận tài liệu này cần phân tích, đối chiếu cẩn thận với các tài liệu khác như *Đại Nam nhất thống chí, Chinh Tây kỷ hành*...

Các tư liệu về khảo cổ học thì đầu tiên phải kể đến cuộc khảo sát và khai quật năm 1935 tại khu vực Lạch Trường do Olov Janse - nhà khảo cổ học người Thụy Điển tiến hành. Ông và cộng sự đã phát hiện khu mộ cổ có 6 ngôi mộ nhưng bị xâm hại nhiều. Trong đó, tại ngôi mộ thứ 3 đã phát hiện bộ sưu tập hiện vật gồm đồ gốm, đồ kim loại. Theo ông: "đồ gốm có thể được người Trung Hoa sản xuất. Ngược lại sản phẩm kim loại chịu ảnh hưởng Ấn - Hy lạp" (Olov Janse 2001: 205). Trong số hiện vật kim loại thì cây đèn hình người là đáng chú ý hơn cả. Cây đèn được làm theo kiểu hình người quỳ gối. Tác giả nhận định rằng, bộ mặt của pho tượng là một người thuộc chủng Ấn - Âu và tư thế quỳ của cây đèn thể hiện tập quán tín ngưỡng của người Hy Lạp (Olov Janse 2001: 210). Đây có thể là nhận định do sự hạn chế về việc thiếu hiện vật khi so sánh, đối chiếu, vì những năm 30 của thế kỷ trước, khi mà nền khảo cổ học Trung Quốc và Việt Nam chưa phát triển, chưa phát hiện được các loại đèn tương tự. Đến nay, nguồn gốc của cây đèn này vẫn có nhiều tranh cãi như: Phạm Quốc Quân cho rằng cây đèn người quỳ Lạch Trường là di vật văn hóa Đông Sơn giai đoạn cuối (Hoàng Xuân Chinh 2014: 202), hoặc là hiện vật này mang tính tiếp biến văn hóa Việt - Hán từ quan điểm của Đỗ Văn Ninh (Hoàng Xuân Chinh 2014: 203), hay như Hoàng Xuân Chinh lại cho rằng "cây đèn đồng là sản phẩm của Trung Quốc thời Đông Hán, do quan lại Trung Quốc mang sang Việt Nam trong thời kỳ phong kiến nhà Hán thống trị nước ta" (Hoàng Xuân Chinh 2014: 205).

Thập kỷ 70 của thế kỷ XX là mốc đáng ghi nhớ của vùng đất này. Năm 1970 tại Hoa Lộc, người ta đã phát hiện ra dấu vết của khu di chỉ cư trú rộng lớn của sơ kỳ thời đại đồng. Các nhà khảo cổ học đã khai quật 3 đợt (1974, 1975, 1982) với tổng diện tích 2.462m^2. Kết quả khai quật cho thấy cụm di tích này nằm trên các cồn cát chạy dài từ xã Liên Lộc qua các xã Hoa Lộc, Phú Lộc, Hòa Lộc và được đặt tên là văn hóa Hoa Lộc. Tầng văn hóa dày trung bình 40 - 60cm, là đất cát màu đen sẫm, nhiều than tro, ken dày gốm và các hiện vật khác. Một trong những nét đặc trưng quan trọng của văn hóa Hoa Lộc là đồ gốm phong phú về loại hình, đa dạng về phong cách đặc biệt là hoa văn trang trí mang sắc thái riêng vô cùng độc đáo. Nghiên cứu di chỉ Hoa Lộc cùng những di tích khác như Phú Lộc (Gò Mả Hờ/Cồn Nghè), Bái Cù (xã Hòa Lộc) các nhà nghiên cứu cho rằng văn hóa Hoa Lộc thuộc sơ kỳ thời đại Đồng thau ở lưu vực đồng bằng sông Mã với niên đại khoảng 4.000 BP (Phạm Văn Đấu 1999). Năm 2017, Viện Khảo cổ học đã tiến hành thăm dò di chỉ Hoa Lộc với diện tích 11m^2 (Bùi Văn Liêm 2017) và năm 2023, thăm dò di chỉ Gò Mả Hờ với diện tích 5m^2 (Nguyễn Thơ Đình 2023). Đặc biệt, từ kết quả của đợt thăm dò tại di chỉ Hoa Lộc đã xác định niên đại tuyệt đối của di chỉ này nói riêng và của văn hóa Hoa Lộc nói chung là 4.050 - 3.910 BP, thuộc sơ kỳ thời đại Đồng thau (Bùi Văn Liêm và nnk 2017).

Năm 1976, tại Gò Trũng, xã Phú Lộc thêm một di chỉ khảo cổ nữa được phát hiện và thăm dò. Năm 1977, di chỉ này đã được khai quật. Kết quả thăm dò và khai quật cho thấy, Gò Trũng là di chỉ ven biển thuộc loại hình cồn cát. Tầng văn hoá là đất pha cát, dày trung bình 30 - 40cm. Bộ sưu tập di vật gồm đồ đá, đồ gốm và xương răng động vật. Đồ gốm có chất liệu thô, nặn tay, thành dày, kiểu dáng đơn giản, kỹ thuật và trang trí hoa văn gần gũi với di chỉ Đa Bút (Bùi Vinh, Nguyễn Khắc Sử 1978). Niên đại tuyệt đối của di chỉ này là 4.790BP, sớm hơn di chỉ Hoa Lộc gần 1.000 năm và muộn hơn di chỉ Đa Bút cũng 1.000 năm (BCH Đảng bộ huyện Hậu Lộc 2018: 47). Di chỉ Gò Trũng thuộc văn hóa Đa Bút, có niên đại hậu kỳ Đá mới và là di tích tiêu biểu cho giai đoạn muộn của văn hóa Đa Bút. Ngoài ra, di chỉ Gò Trũng và Gò Mả Hờ chỉ cách nhau 150m nên các nhà nghiên cứu đã tiến hành so sánh địa tầng của hai di chỉ này, khái quát mối quan hệ địa tầng của hai di chỉ từ dưới lên như sau: Lớp 1 là lớp laterit Gò Trũng (lớp laterit cổ). Lớp 2 là lớp đất cát nâu chứa di vật khảo cổ giống như ở Đa Bút (niên đại tuyệt đối của di chỉ Đa Bút là 6.095 BP). Lớp 3 là lớp đất cát vàng có nguồn gốc biển. Lớp 4 là lớp đất cát nâu đen chứa nhiều di vật của văn hoá Hoa Lộc (niên đại 4.000BP). Lớp 5 là lớp laterit trẻ màu đỏ nâu, trong cũng có chứa một ít di vật thuộc văn hoá Hoa Lộc. Lớp 6 là lớp đất phù sa hiện đại (Nguyễn Ngọc Mên, Nguyễn Văn Hảo 1977). Từ mối quan hệ địa tầng của hai di chỉ này cho thấy, tại khu vực cửa biển Lạch Trường có sự tiếp nối văn hóa từ hậu kỳ Đá mới đến sơ kỳ Đồng thau.

Nếu như thập kỷ 70 được coi là thời kỳ huy hoàng của khảo cổ học khu vực thì trong khoảng thời gian 1985 - 1995, khu vực Lạch Trường trở thành "điểm nóng" về phá hoại di tích của tỉnh. Trong quá trình canh tác, một số người dân phát hiện được nhiều đồ gốm cổ. Tin đó đã khiến những người buôn bán cổ vật kéo đến. Giá của những cổ vật cao hơn nhiều lần so với công lao động và giá trị hoa màu. Thế là nông dân bỏ hết cả hoa màu để đi đào cổ vật. Thậm chí, những gia đình ít người thì bán ruộng cho các gia đình khác đào. Năm 1997, chỉ riêng một người đã nhượng cho Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa một bộ sưu tập gồm 102 hiện vật với nhiều loại hình như thạp, âu, bình, bát, đĩa có niên đại thế kỷ XII - XV (Vũ Duy Trịnh 1998: 558). Các hiện vật này được phát hiện ở ven bờ sông Lạch Trường và sông Trà (chi lưu của sông Lạch Trường), ở độ sâu 50 - 70cm so với bề mặt đất canh tác, không có tầng văn hóa rõ ràng. Đến đầu năm 2000, tình trạng đào phá bừa bãi đã được ngăn chặn. Tuy việc đào phá cổ vật bừa bãi nêu trên rất cần được ngăn chặn song, nó đã mang lại cho việc tìm kiếm dấu vết thương cảng cổ những thông tin quan trọng. Như đã nói trên, toàn bộ các vết tích khảo cổ đều được phát hiện trong khu vực đất canh tác do phù sa bồi lắng. Như vậy, có thể biết khu cư dân bến cảng cổ từ thời Hán đến thời Trần chủ yếu nằm tại đây.

Năm 2002, đoàn nghiên cứu của Viện Khảo cổ học do Trịnh Cao Tưởng dẫn đầu tiến hành nghiên cứu các thương cảng cổ ở miền Bắc Việt Nam. Kết quả đó được thể hiện trong đề tài cấp Bộ *"Nghiên cứu khảo cổ học một số thương cảng cổ vùng biển miền Bắc Việt Nam thế kỷ IX - XVII"*. Đây được coi là công trình nghiên cứu tiêu biểu, đã khảo lược hầu hết các nghiên cứu khảo cổ học trước đó về thương cảng cổ. Ở khu vực biển Lạch Trường, tại xã Hòa Lộc và xã Hải Lộc, hai xã này cách nhau bởi kênh De. Xã Hòa Lộc nằm về phía tây của kênh De, nằm cách xa vùng cửa biển hiện nay, tại đây, đoàn nghiên cứu đã phát hiện một số hiện vật có niên đại từ thời Đông Sơn muộn - Hán đến thời Lê Trung hưng, điều này chứng tỏ khu vực này đã hình thành từ rất sớm và tồn tại trong thời gian dài. Thêm vào đó là việc phát hiện thôn Y Bích, xã Hải Lộc nằm về phía Đông của kênh De và ngay sát cửa Lạch Trường càng củng cố thêm bằng chứng về sự tồn tại của thương cảng Lạch Trường thời kỳ độc lập tự chủ. Tại đây, Đoàn công tác đã phát hiện được trụ đá mang tên Y Bích Khẩu được dựng vào thời Nguyễn nhưng đã đổ và nằm trơ trên bãi biển. Bên trong đê là đền Y Bích (nghè Vích hiện nay), thờ Tứ vị thánh nương, còn một vài vết tích quanh đền như tháp gạch thời Trần, trụ biểu đá thời Lê, khám thờ thế kỷ XVII. Theo lời kể các cụ già trong làng thì trước khi xây dựng con đê, trên bãi cát ven biển đầy các mảnh sành, sứ. Con đê đã xây đè lên bãi cát và chôn vùi các mảnh gốm. Tuy vậy, sát mép nước biển vẫn tìm thấy nhiều đồ gốm men, đồ sành có niên đại thế kỷ XIV - XVIII (Trịnh Cao

Tưởng 2002: 81-88). Đây là các minh chứng cho dấu tích của thương cảng cổ, từ đó Trịnh Cao Tưởng đưa ra nhận định về quá trình phát triển của thương cảng. Thanh Hóa không có cảng biển thực sự mà chỉ có cảng ở vùng cửa sông đổ ra biển, trong số đó thì Lạch Trường đóng vai trò quan trọng nhất. Tàu thuyền từ biển vào có thể neo đậu trong vùng vịnh và theo lạch đi sâu vào nội địa. Cảng này được hình thành vào thời Hán. Dưới thời Lý, khu vực quanh Lạch Trường là trung tâm hành chính quan trọng của Hậu Lộc và phủ Hà Trung. Nhưng cảng phát triển mạnh buôn bán ở thời Trần và trung tâm trao đổi có thể là vùng cư dân vùng Hòa Lộc. Do quá trình bồi tụ phù sa và quá trình lấn biển, biển lùi dần cho đến thế kỷ XVI thì tàu thuyền trao đổi ngay vùng cửa biển. Vùng Hòa Lộc không còn là trung tâm buôn bán mà thay vào đó là vùng Y Bích và đến thời Nguyễn thì mới chấm dứt vai trò của mình. Nhận định về sự hình thành, phát triển và suy thoái của ông dựa trên kết quả khảo sát thực địa và điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả khảo sát năm 2025.

Từ năm 2013 đến năm 2019, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia phối hợp với Viện Nghiên cứu Di sản văn hóa biển Quốc gia Hàn Quốc tổ chức khảo sát khoảng 400 địa điểm gồm các hải cảng, cửa biển, bến thuyền và các di tích liên quan như chợ quán, bến bãi, đình chùa, đền miếu,… phân bố trên toàn lãnh thổ Việt Nam nhằm làm sáng tỏ thực tế lịch sử trong văn hóa biển của Việt Nam. Trong đó, *Tập II: Thương cảng cổ ở miền Trung Việt Nam*, có nghiên cứu về các thương cảng ở Thanh Hóa, trong đó có Lạch Trường, nhưng những nghiên cứu này rất ít tư liệu về kết quả khảo sát thực địa mà chỉ dựa vào kết quả nghiên cứu trước và tài liệu chữ viết (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Viện Nghiên cứu Di sản văn hóa biển Hàn Quốc 2020: 18-52).

Năm 2020, Nguyễn Văn Chuyên xuất bản tác phẩm "*Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ X - XIX"*. Quyển sách này đã nêu ra được đặc điểm của 12 cảng biển ở ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, trong đó, có cảng Lạch Trường. Tác giả đã tập hợp các cảng biển thành một chuỗi cụm cảng để khảo sát và phân tích, tổng hợp và nêu ra những đặc trưng cơ bản của chuỗi cụm cảng này. Đặc điểm của mô hình chuỗi cảng là do quy mô nhỏ của các cảng biển đã hạn chế quá trình phát triển của cảng, đồng thời nó lại làm cho quá trình chuyển tải hàng hóa dễ hàng hơn, tránh né được sự ràng buộc và kiểm soát của chính quyền trung ương. Tuy nhiên, đây là tài liệu nghiên cứu thương cảng qua góc nhìn lịch sử nên các cứ liệu khảo cổ học ít được nhắc đến và phân tích (Nguyễn Văn Chuyên 2020).

2. Kết quả điều tra khảo cổ học cửa biển Lạch Trường năm 2025

Như đã nói ở trên, các thương cảng ở tỉnh Thanh Hóa ít được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu, nên đầu năm 2025, chúng tôi tiến hành khảo sát các điểm bến bãi, chùa, đền, chợ, mộ cổ ở trong khu vực Lạch Trường để bổ sung thêm tư liệu nghiên cứu của khu vực này (*Hình 1*), kết quả khảo sát như sau:



Hình 1. **Bản đồ các di tích và điểm khảo sát tại khu vực cửa biển Lạch Trường năm 2025**
(Nguồn: Google Earth)

2.1. Cửa biển Lạch Trường

Sông Lạch Trường hay còn được gọi là sông Ngu Giang là một nhánh của sông Mã. Sông Mã là con sông lớn chảy qua Lào và Việt Nam, rồi phân nhánh và đổ ra Biển Đông qua ba cửa: nhánh chính sông Mã đổ ra Cửa Hới (Lạch Trào), nhánh sông Lạch Trường/Ngu Giang đổ ra Cửa Lạch Trường/ Linh Trường/Y Bích và nhánh sông Đò Lèn đổ ra cửa Lạch Sung/Cửa Lèn. Cửa Lạch Trường, thuộc thôn Y Bích, xã Hải Lộc (nay là xã Vạn Lộc) có thể là vị trí của thương cảng Lạch

Trường, nơi tàu/thuyền neo đậu, buôn bán. Thương cảng này gắn với núi Linh Trường ở phía Nam. Đây là dải núi dài khoảng 5km, chạy theo hướng Đông - Tây, nằm sát bờ phía Nam sông Lạch Trường. Núi Linh Trường có ý nghĩa như tường chắn phía Nam, hạn chế sóng gió, tạo điều kiện cho tàu thuyền neo đậu, tránh bão, tiến hành các hoạt động trao đổi buôn bán ở Lạch Trường, đồng thời định hướng cho tàu thuyền đi biển, ngoài khơi tìm về đúng bến. Phía Đông Bắc cửa Lạch Trường là hòn Nẹ, hòn này cách đất liền khoảng 5km, là một đảo nhỏ, dài gần 900m, nơi rộng nhất là 400m, cao ở góc Tây Nam, thấp dần về phía Đông Bắc. Bản thân hòn Nẹ là nơi trú ẩn an toàn cho tàu thuyền đi biển khi có sóng to gió lớn. Trong mối quan hệ với Lạch Trường, hòn Nẹ là cột mốc định vị cho tàu thuyền đi biển tìm về đúng bến.

Cửa Lạch Trường kết nối với phía Tây bằng sông Lạch Trường, rồi ngược lên phía Tây, Tây Bắc theo các nhánh của hệ thống sông Mã. Theo tác giả Đào Duy Anh, sông Lạch Trường ngày nay là dòng chính của sông Mã ngày xưa (Đào Duy Anh 1962: 43). Chính vì thế, sông Lạch Trường là con đường tự nhiên đi vào lỵ sở Duy Tinh thời Lý - Trần, trấn thành Dương Xá thời Lê - Nguyễn. Cửa Lạch Trường kết nối với phía Bắc qua kênh De, có tên gọi khác là kênh Trường Cảng (*Hình 2*). Kênh này *"chảy ngang huyện, qua sông cái chảy sang huyện Hoằng Hóa, dài 20 dặm, rộng 3 trượng. Triều lên sâu 3 thước, triều xuống nước rất cạn"* (*Quốc sử quán triều Nguyễn* 2003: 1098). Đây là kênh đào, ít nhất là vào năm 1447 đã có, dài khoảng 8km, nằm ở ven biển, nối sông Lèn với Lạch Trường, chạy song song với đường bờ biển, chia vùng đất phía bắc cửa Lạch Truòng thành hai phía: phía Đông là vùng đất Diêm phố (xã Vạn Lộc ngày nay), phía Tây là vùng Hoa Lộc, rất thuận lợi cho thuyền bè đi lại. Sự kết nối của Lạch Trường lên phía Bắc kênh De tạo thuận lợi cho mối quan hệ thương mại của Lạch Trường với phía Bắc. Lạch Trường kết nối về phía Nam tới Lạch Hới và cửa Hới qua kênh Choán (sông Cung). Tương tự kênh De, kênh Choán là tuyến giao thương nội thủy ven biển dài 12km, chảy theo hướng Bắc - Nam, từ chân núi Linh Trường xuôi xuống phía Nam nối với Lạch Hới, cách cửa Hới 1km. Kênh Choán cũng là kênh đào, có vai trò kết nối Lạch Trường với vùng đất và các tuyến giao thương ở phía Nam (Nguyễn Văn Chuyên 2020: 113).



Hình 2. **Kênh De** (*Nguồn: Tác giả*)

Khi tiến hành phỏng vấn cụ ông Nguyễn Chung (sinh năm 1938) tại thôn Y Bích, xã Hải Lộc (nay là xã Vạn Lộc), thì những năm 1940 - 1950, người dân địa phương vẫn sử dụng hệ thống sông Lạch Trường qua sông Trà Giang để di chuyển đến Duy Tinh (thị trấn Hậu Lộc ngày nay) để buôn bán, học tập. Họ cũng vẫn sử dụng kênh De để buôn bán nước mắm ra phía Bắc như Hà Đông, Sơn Tây. Ngày nay, sông Lạch Trường không đóng vai trò là nhánh chính của sông Mã nên các tàu thuyền buôn bán có trọng tải lớn đều không qua đây. Cửa Lạch Trường hiện nay chỉ là nơi neo đậu tàu/thuyền đánh cá của người dân địa phương. Và kênh De cũng tương tự, sự bồi lấp và xây đê đã khiến cho dòng chảy của kênh này bị tắc nghẽn, cùng với sự phát triển của hệ thống đường bộ, kênh De đã đánh mất vai trò làm tuyến giao thông kết nối với phía Bắc, chỉ còn đóng vai trò như một kênh dẫn nước giữa hai nhánh sông lớn và là nơi trú bão cho các tàu đánh cá của người dân ven biển huyện Hậu Lộc.

Do sự bồi lở và thay dòng của sông Lạch Trường nên các dấu tích thương cảng đang nằm sâu dưới bờ đê. Nên trong đợt khảo sát này không phát hiện được bất kỳ hiện vật nào ở khu vực cửa biển Lạch Trường.

2.2. Chùa Vích

Chùa Vích có tọa độ GPS: 19.903479B 105.941962Đ, nằm cạnh kênh De, thôn Y Bích, xã Hải Lộc (Vạn Lộc), còn có tên gọi là "Bích Tiên Tự" xung quanh là đồng ruộng, những ô ruộng muối và khu nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương. Kiến trúc chính là chùa thờ Phật thiết kế theo hình chữ "Công". Trước sân chùa là cột Thiên đài, xây dựng thời Lê Trung hưng, niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ 16. Phía Bắc sân chùa có hai bia đá: 1 bia ghi tên những người cung tiến, bia còn lại là bia rùa cao 135cm, rộng 65cm, dày 14cm ghi "Tam Xã hưng công bi ký - Y Bích - Lộc Duyên - Tiên Xá", cuối bia là niên hiệu dựng Chính Hòa thập niên (1689). Xung quanh chùa phát hiện được 2 chân tảng đá hình vuông, có kích thước tương tự nhau, mỗi cạnh 50cm, cao 10cm, ở chính giữa đục lỗ tròn có đường kính 36cm, cao 3cm, niên đại thế kỷ XVII - XVIII. Cùng với hệ thống bia, cột, chân tảng, có thể xác định, chùa Vích được xây dựng sớm nhất là vào thời Lê Trung hưng.

Khi khảo sát ở đất vườn chùa, phát hiện được một số mảnh sành, gốm men nằm trên bề mặt. Tuy nhiên, đất ở đây là được người dân xung quanh mang đến khi họ làm nhà để nâng phần đất nền và vườn của chùa. Như vậy, có thể ở làng Y Bích, bên dưới lớp đất vườn, canh tác có hiện vật. Hiện vật phát hiện được tổng số 7 mảnh (Bảng 1, 2), cụ thể như sau:

Gốm men Việt Nam: 5 mảnh chân đế vành khăn, men lam, có ve lòng để chồng nung. Men trắng xám, vẽ lam mờ, men phủ kín bên ngoài chân đế, lòng đế cạo nhẵn, để mộc. Chân đế thấp, thẳng, mép đế được cạo phẳng, nhẵn. Vì mảnh vỡ nhỏ nên không xác định họa tiết cũng như đường kính đế. Chân đế cao 0,3 - 0,5cm, mép đế rộng 0,2 - 0,4cm, dày thân 0,4 - 0,6cm. Xương xám trắng, đanh, khá mịn, niên đại thế kỷ XVII - XVIII.

Sành mịn: 2 mảnh miệng lon, vỡ nhỏ nên không xác định được đường kính. Miệng đứng, mép cắt phẳng, thành miệng vuốt dày hơn thân, thân dày 0,4cm, thành miệng dày 1,2cm. Bên ngoài trang trí các đường khắc vạch. Áo màu nâu xám, xương tím nhạt, đanh, mịn, niên đại thế kỷ XVII - XVIII.

2.3. Xã Phú Lộc (nay là xã Hoa Lộc)

Trong quá trình khảo sát và phỏng vấn người dân địa phương trên địa bàn thôn Bái Trung III, xã Hoa Lộc, chúng tôi đã tiếp xúc với ông Đỗ Ty, 87 tuổi, người đã từng đào và bán cổ vật vào những năm 80 - 90 của thế kỷ trước. Theo ông, trong quá trình đào cổ vật, ông đã tìm thấy nhiều đồ gốm ở trong những gò cao, có gạch xây mà ông gọi là "am", ở độ sâu 1,5m từ bề mặt gò. Hiện nay, theo ông do việc đào trộm quá nhiều, nên các gò cao đã bị san bằng, và sự thay đổi về môi trường, cảnh quan xung quanh như việc đào ao nuôi tôm, làm trang trại nên không thể tìm thấy dấu vết các mộ gạch này. Ông cho biết, khu vực nghĩa địa, tại thôn Phù Ninh, xã Phú Lộc là nơi ông đã từng tìm thấy nhiều mộ gạch. Trong nhà ông còn lưu giữ một số mảnh gạch vỡ, trong đó có 1 mảnh gạch múi bưởi, dài còn lại 23cm, rộng 24cm, dày 4,5 - 8cm, xương màu đỏ, mịn, không pha tạp chất. Và một bát bồng, không men, miệng loe xiên nhẹ, mép vuốt mỏng, thành loe xiên, trong lòng bát rộng, hơi lõm, chân đế vành khăn, cao, choãi, mép đế cắt thẳng, lòng đế vét nhẵn. Áo và xương màu nâu đỏ, mịn. Đường kính miệng 16cm, đường kính chân đế 10cm, cao 9cm, chân đế cao 3cm, mép đế rộng 0,6cm.

Theo chỉ dẫn của ông Ty, chúng tôi đến xã Phú Lộc khảo sát, và may mắn, đã phát hiện một số địa điểm có các mảnh hiện vật xuất lộ trên bề mặt, đặc điểm chung của chúng là các mảnh vỡ nhỏ có thể là kết quả của hoạt động canh tác. Tại đây, chúng tôi đánh số 3 điểm GPS lần lượt là GPS1 (ruộng ngô tại thôn Phù Ninh), GPS2 (trong khu dân cư tại thôn Phù Ninh), GPS3 (trước Trường tiểu học Phú Lộc). Cả 3 điểm khảo sát đều nằm trong khu vực đất phù sa, bằng phẳng, canh tác của người dân và đặc biệt là trong khu vực đất bồi của sông Lạch Trường và kênh De (*Bảng 1, 2*).

Bảng 1. **Bảng tổng hợp hiện vật sưu tầm tại cửa biển Lạch Trường 2025**

.	Gốm men Việt Nam					Gốm men Trung Quốc	Sành mịn	Sành thô	Gốm đất nung	Vật liệu kiến trúc	**Tổng**
	Men trắng	Men ngọc	Hai màu men	Men lam	Tróc men	Men ngọc				Ngói xám	
Chùa Vích				5			2				**7**
Phú Lộc GPS1	38	1		7			14		23	1	**84**
Phú Lộc GPS2	24	1	1	5	3	2	6		9		**51**
Phú Lộc GPS3	6			2	1		1	1		4	**15**
Tổng	**68**	**2**	**1**	**19**	**4**	**2**	**23**	**1**	**32**	**5**	**157**

Bảng 2. **Niên đại của hiện vật sưu tầm tại cửa biển Lạch Trường 2025**

	TK I-II	TK XIII-XIV		TK XV-XVI			TK XVII-XVIII		KXĐ niên đại	**Tổng**
	Gốm	Gốm men Việt Nam	Gốm men Trung Quốc	Gốm men Việt Nam	Sành mịn	Vật liệu kiến trúc	Gốm men Việt Nam	Sành mịn		
Chùa Vích							5	2		**7**
Phú Lộc GPS1	5	25		20	9	1	1	5	18	**84**
Phú Lộc GPS2		13	2	17	6		1		12	**51**
Phú Lộc GPS3		6		2	1	4			2	**15**
Tổng	**5**	**50**	**2**	**37**	**18**	**5**	**7**	**7**	**27**	**157**

a. Điểm GPS1 (thôn Phù Ninh, tọa độ 19.911635B 105.913255Đ)

Các hiện vật xuất lộ ở đường mòn nằm giữa ruộng ngô về phía Bắc, cao hơn phía Đông khoảng 50cm, là ruộng trồng lúa nước. Hiện vật nằm ở hai bờ đường, vỡ nhỏ do quá trình đi lại và sửa đường, một ít xuất lộ trong ruộng ngô nhưng tỷ lệ không nhiều. Vì khảo sát vào lúc trời mưa, phần lớn các ruộng ngô bị ngập nên không thể xác định phạm vi xuất lộ hiện vật của khu vực này. Đây là nơi có số lượng hiện vật được phát hiện nhiều nhất, các hiện vật này nằm rải rác trên bề mặt. Tổng số 84 mảnh, chiếm gần 1/2 số lượng hiện vật thu được, cụ thể như sau:

Nhóm gốm men Việt Nam: có 46 mảnh, gồm (1 men ngọc, 38 mảnh men trắng, 7 mảnh men lam), trong đó 1 mảnh đáy bằng của dòng men ngọc, loại hình bình/vò, được phủ men trong lòng, lớp men mỏng, bong tróc nhiều, xương xám trắng, xốp, niên đại thế kỷ XIII-XIV. Nhóm men trắng có 38 mảnh, chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong nhóm gốm men Việt Nam, niên đại kéo dài nhất, trong đó 24 mảnh có men trắng xám, bong tróc, xương xốp, của loại hình bát/đĩa, bình/vò, có niên đại thế kỷ XIII-XIV; và 14 mảnh chân đế vành khăn có ve lòng chống dính khi nung, men bóng, chân đế thấp, xương xốp có niên đại thế kỷ XV-XVI. Men lam số lượng ít hơn, 7 mảnh của loại hình bát, trong đó 6 mảnh phủ lớp men mỏng, xỉn màu, bong tróc nhiều, có niên đại thế kỷ XV-XVI và 1 mảnh bát có lớp men phủ bóng, đều, xương trắng, đanh, có niên đại thế kỷ XVII-XVIII.

Nhóm sành mịn: có 14 mảnh, trong đó 9 mảnh của loại hình bình/vò có áo nâu xám, xương tím nhạt, đanh, mịn, niên đại thế kỷ XV-XVI. Và 5 mảnh thân lon, trang trí bập vân, bập vân kết hợp khắc vạch, áo và xương màu nâu đỏ, đanh, niên đại thế kỷ XVII-XVIII.

Nhóm gốm đất nung: có 23 mảnh của loại hình nồi, nắp, trong đó 5 mảnh áo và xương màu xám xanh, bên ngoài trang trí văn in ô vuông, niên đại thế kỷ I-III và 18 mảnh có áo và xương màu nâu đỏ, pha nhiều cát nhỏ màu trắng, dày 0,3-0,5cm, không xác định niên đại.

Nhóm vật liệu kiến trúc: 1 mảnh thân ngói ống, màu xám, dày 0,8cm, có niên đại thế kỷ XV-XVI.

Như vậy, địa điểm GPS1 có 84 hiện vật, trong đó nhóm hiện vật có nguồn gốc Việt Nam, niên đại thế kỷ XIII-XIV và niên đại XV-XVI có tỷ lệ tương đương nhau.



Hình 3. **Gốm men trắng Việt Nam, thế kỷ XIII - XIV**



Hình 4. **Gốm men trắng Việt Nam, thế kỷ XV -XVI**



Hình 5. **Sành mịn, Việt Nam, thế kỷ XV - XVI**



Hình 6. **Gốm đất nung Việt Nam, thế kỷ I - III**

(Nguồn: Tác giả)

b. Điểm GPS2 (thôn Phù Ninh, tọa độ 19.9119995B 105.915034Đ)

Điểm GPS2 nằm trong vườn nhà và ruộng ngô ở trong khu dân cư. Hiện vật được phát hiện trên bề mặt ruộng, vườn, trong khu vực bằng phẳng, bị vỡ nhỏ do quá trình cày xới để canh tác nông nghiệp. Số lượng hiện vật phát hiện khá nhiều, nằm rải rác, sưu tầm một số mảnh như sau:

Nhóm gốm men Việt Nam: 34 mảnh, gồm 1 mảnh miệng của loại hình bát/đĩa, men ngọc, miệng loe xiên và 01 mảnh thân của nhóm hai màu men (trong trắng, ngoài nâu), cả 2 mảnh này có lớp men mỏng, bong tróc nhiều, xương xám trắng, xốp, niên đại thế kỷ XIII - XIV. Nhóm men trắng có 24 mảnh, niên đại kéo dài nhất, trong đó 11 mảnh có men trắng xám, bong tróc, xương xốp, có niên đại thế kỷ XIII - XIV; và 13 mảnh chân đế vành khăn có ve lòng chống dính khi nung, men bóng, chân đế thấp, xương xốp, có niên đại thế kỷ XV - XVI. Men lam số lượng ít, 5 mảnh, trong đó 4 mảnh men mỏng, xỉn màu, bong tróc nhiều, vẽ chỉ lam, có niên đại thế kỷ XV - XVI và 1 mảnh bát có lớp men phủ bóng, đều, vẽ chỉ lam và xương trắng, đanh, có niên đại thế kỷ XVII - XVIII. Ngoài ra, có 1 mảnh đáy bình bị tróc men nên không xác định niên đại. Thêm vào đó là 3 mảnh bị tróc men, xương trắng xám, xốp, nên không xác định dòng men và niên đại.

Nhóm gốm men Trung Quốc: 2 mảnh men ngọc, của loại hình bát/đĩa, bình/vò, men dày, bóng, phủ đều, xương trắng xám, đanh, có niên đại thế kỷ XIII - XIV (*Hình 7*).

Nhóm sành mịn: 6 mảnh của loại hình nắp, bình/vò, áo nâu xám hoặc nâu đen, xương tím nhạt, đanh, mịn, trang trí trên thân các đường chỉ chìm hoặc đắp nổi đường gờ nhỏ, niên đại thế kỷ XV -XVI.

Nhóm gốm đất nung: 9 mảnh của loại hình nồi và nắp, áo và xương màu nâu đỏ, pha nhiều cát nhỏ màu trắng, dày 0,2 - 0,3cm, không xác định niên đại.

Như vậy, địa điểm GPS2 có 51 hiện vật, trong đó nhóm hiện vật có nguồn gốc Việt Nam, niên đại thế kỷ XV - XVI chiếm hơn 1/2 số lượng. Sự có mặt của nhóm gốm men Trung Quốc cũng như sự phong phú về dòng men tại địa điểm này cho thấy, có thể khu vực này tham gia vào quá

trình giao thương thời Trần. Địa điểm GPS2 có hiện vật về loại hình, dòng men, niên đại khá tương đồng với địa điểm GPS1, vì hai điểm này chỉ cách nhau khoảng 200m.

c. Điểm GPS3 (gần Trường Tiểu học Phú Lộc, tọa độ 19.9221017B 105.9250937Đ)

Điểm GPS3 nằm gần Trường tiểu học Phú Lộc, thôn Thuần Nhất, xã Phú Lộc, hiện vật được phát hiện nằm trên bề mặt của ruộng trồng rau, bị vỡ chỉ còn mảnh nhỏ. Đây là một khu vực bằng phẳng, hiện là nơi canh tác của người dân. Số lượng hiện vật phát hiện được không nhiều, gồm:



Hình 7. **Gốm men ngọc Trung Quốc, thế kỷ XIII-XIV** *(Nguồn: Tác giả)*

Nhóm gốm men Việt Nam: 9 mảnh, gồm 6 mảnh men trắng của nhóm bát/đĩa, có niên đại thế kỷ XIII - XIV và 2 mảnh men lam có niên đại thế kỷ XV - XVI. Ngoài ra có 1 mảnh đáy bình bị tróc men nên không xác định niên đại.

Nhóm sành mịn: 1 mảnh thân lon, trang trí khắc chìm, áo và xương màu xám xanh, niên đại thế kỷ XV - XVI.

Nhóm sành thô: 1 mảnh nắp, không xác định niên đại.

Nhóm vật liệu kiến trúc: 4 mảnh ngói đỏ lẫn xám xanh, ngói ống, niên đại thế kỷ XV - XVI.

Như vậy, tại điểm GPS3 sưu tầm tổng số 15 mảnh, có niên đại thế kỷ XIII - XVI, trong đó số lượng hiện vật có niên đại thế kỷ XIII - XIV và niên đại XV - XVI tương đương nhau. Sự có mặt của các mảnh ngói cho thấy, có thể có một công trình kiến trúc nào đó ở khu vực này, được xây dựng vào thế kỷ XV - XVI.

2.4. Chùa Cam Lộ

Chùa Cam Lộ, tọa độ GPS: 19.890646B 105.930197Đ, hay còn được gọi là Thần Nông tự, nằm ở sát ngã ba của sông Lạch Trường và kênh De. Chùa Cam Lộ nằm trong phạm vi của thương cảng Lạch Trường, được xây dựng vào thời kỳ phát triển của thương cảng này. Chùa thuộc làng Thương Xá, xã Hòa Lộc (nay là xã Hoa Lộc). Theo truyền thuyết, ban đầu chùa được đặt tên là Thần Nông tự. Tuy nhiên, vào tháng 7 năm Mậu Thìn (1748), trời mưa nước ngọt sa xuống phía Đông chùa, từ đó người dân địa phương quen gọi chùa này là chùa Cam Lộ (BCH Đảng bộ huyện Hậu Lộc 2018: 54-55).

Chùa được xây dựng vào thời Trần, điều này được chứng minh qua bài thơ "*Cam Lộ tự*" của vua Trần Minh Tông và bài "*Đề Cam Lộ tự*" của nhà thơ Phạm Sư Mạnh. Hiện nay, chùa Cam Lộ vẫn lưu giữ nhiều hiện vật như bia ký, chuông đồng, khánh đá, đặc biệt là các pho tượng, bức chạm trổ độc đáo với giá trị nghệ thuật cao. Quy mô kiến trúc của chùa Cam Lộ, đặc trưng từ thời Trần đến cuối thời Lê, mang những đặc điểm độc đáo và được bảo tồn đến ngày nay. Kiến trúc hiện tại có niên đại thời Nguyễn với công trình tiêu biểu là cổng Tam quan được xây dựng theo lối truyền thống cửa vòm, với cửa lớn ở giữa và hai cửa nhỏ hai bên.

2.5. Khu vực Duy Tinh - Chợ Phủ và chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh

Khu vực Duy Tinh - Chợ Phủ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả một vùng đất rộng lớn phía Bắc tỉnh Thanh Hóa, tọa độ GPS: 19.9033395B 105.8558967Đ. Chợ Phủ nằm ở làng Duy Tinh, xã Văn Lộc (nay là xã Hậu Lộc), Thanh Hóa. Duy Tinh không chỉ có chợ, cầu, giao thông thuận

lợi mà còn có chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh hoặc Sùng Nghiêm, tọa độ GPS: 19.904112B 105.857633Đ, một ngôi chùa được xây dựng từ thời Lý và vẫn còn một số dấu tích cho đến ngày nay.

Trong chùa Sùng Nghiêm vẫn còn lưu giữ bia "*Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh*" có kích thước lớn, cao 2,2m, rộng 1,22m, trang trí đẹp kiểu rồng xoắn, viền hoa cúc dây, dựng năm 1118. Mặt bia có 36 dòng, khoảng 2.400 chữ Hán. Theo đó, chùa được xây dựng thời Lý với quy mô khá lớn trên cơ sở một ngôi chùa cổ có trước đó. Theo văn bia, người hưng công dựng chùa là Thông phán Chu Công, quyền trông coi quận Cửu Chân xứ Thanh Hoa (tên cũ của Thanh Hóa). Nhận thấy phía Nam phủ thành có ngôi chùa cổ, nền cũ và gạch ngói vẫn còn, cỏ gai đã mọc lút, không còn đèn hương, nhưng phong cảnh vẫn thiêng, hai cửa khống chế phía Bắc, ba dòng sông ôm ấp phía Nam; vậy nên, nhân lúc nông nhàn, Chu Công sai huyện lệnh Lê Chiến trông coi việc dựng lại chùa. Cũng theo văn bia, năm 1116, vua Lý Nhân Tông đi tuần phương Nam, đến địa hạt Châu Ái, thuyền rồng đỗ lại, xe loan tạm dừng, cho thấy giao thông đường thủy lẫn bộ dẫn đến Duy Tinh - chợ Phủ thời đó đã khá phát triển. Như vậy, theo nội dung văn bia thì từ thời Lý, Duy Tinh đã là một trung tâm chính trị, Phật giáo của quận Cửu Chân trấn Thanh Hoa, là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của một đơn vị hành chính khá lớn thời Lý - Trần.

Ngoài ra, có 2 bộ phận của bia đá gồm bia và chân nằm trong khuôn viên của chùa, có thể là của hai bia khác nhau vì kích thước không tương đồng. Kích thước của đế bia hình rùa dài 110cm, rộng nhất 80cm, cao 30cm, trong đó phần mộng để gắn bia được đục ở giữa thân, dài 48cm, rộng 17cm, sâu 10cm. Và kích thước của bia cao 110cm, rộng 47cm, dày 13cm, trong đó phần chân dài 42cm, rộng 47cm, dày 19cm. Mặt, lưng và cạnh bên có chữ, không trang trí hoa văn (*Hình 8*).

Hiện nay, trong chùa còn có 12 khối đá hình chữ nhật có kích thước dài 75 - 99cm, rộng 24cm, dày 18cm, trong đó có 9 khối chạm khắc hình rồng, đây có thể là bộ phận của bệ tượng (*Hình 9*). Ngoài ra, còn có đầu rồng, đầu phượng bằng đất nung có niên đại thời Trần. Các hiện vật quý này đều tình cờ được phát hiện khi nhà chùa đang làm vườn, đào móng để xây cất các công trình phụ cận trong khu vườn chùa và được nhà chùa cất giữ bảo quản (Phạm Tấn 2016: 208).



Hình 8. **Bia đá trong chùa Sùng Nghiêm**



Hình 9. **Khối đá trang trí hình rồng trong chùa Sùng Nghiêm**

(Nguồn: Tác giả)

3. Giá trị lịch sử của thương cảng Lạch Trường

Lạch Trường là thương cảng cổ lớn ở Thanh Hóa, có vị trí thuận lợi cho tàu/thuyền neo đậu, đồng thời là địa bàn có nguồn thương phẩm tương đối phong phú, dồi dào. Vì vậy, các thương nhân đã đến khu vực này để thu mua, trao đổi hàng hóa. Thương cảng Lạch Trường được hình thành và phát triển từ thời Lý đến thời Lê Trung hưng, mạnh nhất là vào thời Trần, có mối quan hệ giao thương với thuyền buôn người Hoa, Champa, Tây Âu.

Ở phạm vi không gian tiểu vùng có thể thấy, Lạch Trường là cửa ngõ trung tâm hạ lưu sông Mã, đồng thời là cửa ngõ đồng bằng sông Mã, điểm kết nối giữa biển và lục địa. Nhờ vào các yếu tố tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi, từ rất sớm, ở khu vực này đã hình thành nên những cộng đồng cư

dân với những hoạt động kinh tế đa dạng. Trong không gian kinh tế nội địa, Lạch Trường rất gần với các trung tâm kinh tế của Thanh Hóa như lỵ sở Duy Tinh, trấn thành Dương Xá. Những điều kiện tự nhiên, giao thông thuận lợi cùng với đặc điểm kinh tế - xã hội nơi đây tạo cơ sở cho thương cảng Lạch Trường hoạt động thường xuyên, rộng mở và lâu dài trong lịch sử. Theo hệ thống sông Mã, sông Lạch Trường, tàu thuyền có thể thu gom hàng hóa tại địa phương vô cùng thuận tiện rồi đưa về tập kết tại trung tâm cảng Lạch Trường. Sau đó, từ Lạch Trường, hàng hóa tiếp tục được trao đổi với các thuyền buôn nội địa và vùng lân cận. Cùng với hệ thống thương cảng gần kề như Vân Đồn, Hội Triều, Biện Sơn, Hội Thống... hỗ trợ lẫn nhau tạo nên mạng lưới liên kết.

Theo kết quả khảo sát thực địa của Bảo tàng Thanh Hóa năm 1997, tại thôn Lam Hạ, xã Thuần Lộc và thôn Nội Tý, xã Hoằng Minh đã phát hiện rất nhiều loại hình gốm sứ gồm thạp, âu, bình, bát, đĩa đều nằm ven sông Lạch Trường và sông Trà. Hiện vật xuất lộ theo từng nhóm, từng chủng loại, có nơi toàn bát, có nơi toàn thạp hoặc đĩa, âu, mật độ dày đặc, số lượng mảnh vỡ rất nhiều. Trong khu vực nhà dân xung quanh, phát hiện hàng ngàn hiện vật. Kết quả khảo sát cho thấy, đây đều là gốm sứ thời Lý - Trần, một ít có niên đại thời Lê (Vũ Duy Trịnh 1998: 559). Đây là một trong những bằng chứng khảo cổ học chứng minh sự phồn thịnh buôn bán tại bến cảng bên sông Lạch Trường, là đầu mối giao lưu hàng hóa, đặc biệt là gốm sứ. Để tham gia thu gom và trung chuyển hàng hóa cho Lạch Trường còn có hệ thống các chợ quán như Cồn Mả Cháy. Ngoài gốm sứ là hàng hóa trao đổi thì các sản phẩm như hải sản, đồ thủ công, quế, muối, chiếu... đều được mang đi buôn bán.

Tại địa điểm Cồn Mả Cháy ven sông Mã, thuộc thôn Duy Tiên, xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, cách khu gốm sành Lò Chum hơn 4km, đã phát hiện một khu vực có nhiều đồ gốm sứ cổ. Gốm sứ được phát hiện chủ yếu là các loại bình, thạp, bát, đĩa, vại và một số đồ sành, chủ yếu do dân đào các hố săn tìm cổ vật. Hiện vật được phát hiện ở độ sâu 40 - 100cm, phân bố không đồng đều và ở các vị trí khác nhau. Một số mảnh vỡ gồm nhiều loại khác nhau được dồn thành đống. Một số đồ gốm sứ, sành còn nguyên vẹn được phát hiện trong tình trạng có sự sắp xếp theo chủ ý, cái to, dày nằm ở dưới, đồ dễ vỡ đặt ở phía trên. Đồ gốm sứ, sành ở đây thuộc nhiều thời kỳ khác nhau. Các loại thạp men ngà, hoa nâu tiêu biểu của thời Trần, bát đĩa gốm thời Lê sơ và đồ sành thời Nguyễn. Xét theo vị trí, di tích Cồn Mả Cháy ở chợ gốm ven sông. Chợ này ở gần cửa sông Lạch Trường xưa, tương tự chợ Lò Chum. Có thể xưa kia cảng sông chính của tỉnh lỵ Thanh Hóa ở khu vực này mà dấu vết còn lại là địa danh cảng Lệ Môn, sau này mới chuyển dịch lên phía chợ Lò Chum ngày nay (Phạm Văn Đấu, Bùi Thị Lý 1998: 557).

Kết quả khảo sát khu vực xã Hòa Lộc và thôn Y Bích năm 2002 của Trịnh Cao Tưởng cũng cho thấy, các hiện vật thời Trần - Lê, thế kỷ XIV - XVIII đã được tìm thấy, nhưng số lượng các mảnh có niên đại thời Lê rất ít, chủ yếu là thời Trần thế kỷ XIV. Đặc biệt là phát hiện được 1 mảnh gốm hoa lam của lò Cảnh Đức Trấn (Trung Quốc), thế kỷ XVII. Nếu so sánh với kết quả cuộc khảo sát năm 2025 cho thấy, dù vị trí phát hiện di vật khác nhau nhưng đều nằm trong khu vực cửa Lạch Trường, đã phát hiện được số lượng di vật có niên đại từ thế kỷ XIII - XVIII. Tuy nhiên, trong đợt điều tra năm 2025 thì số lượng hiện vật thời Trần và Lê khá tương đương.

Trong giai đoạn chính quyền Lê - Mạc phân tranh, thì nơi đây là khu vực chia cắt của hai chính quyền nên các hoạt động ngoại thương chịu nhiều ảnh hưởng. Đến giai đoạn vua Lê - chúa Trịnh nắm quyền, thế kỷ XVI - XVII, nơi đây lại được ưu tiên phát triển nên cảng Lạch Trường có dấu hiệu hồi phục và phát triển. Dấu hiệu rõ nhất là sự hiện diện của nhóm gốm sứ có niên đại khoảng thế kỷ XVI - XVII. Và có nhiều bằng chứng cho thấy đây là cửa ngỏ ra vào của một số tàu buôn phương Tây, như tàu Grol (Bồ Đào Nha) năm 1637 khi đến Thanh Hóa, có thể từ Biện Sơn men theo bờ biển và đến hải phận Hậu Lộc thì vào cửa biển Y Bích hoặc từ cửa Bạng theo hệ thống

sông đào nhà Lê chạy dọc song song bờ biển Biện Sơn để đi đến sông Lạch Trường và ra Thăng Long (Đỗ Thị Thùy Lan 2010: 71). Dù theo cách nào thì Lạch Trường đều là điểm khởi đầu để ra Bắc của tàu Grol.

Đến thế kỷ XVIII, sau khi chính quyền Tây Sơn giành thắng lợi hoàn toàn, cùng với đó là sự đổi dòng của sông Mã, sông Ngu Giang không còn là nhánh chính của sông Mã, lúc này, sông Ngu Giang có dòng chảy hẹp đi rất nhiều. Từ thế kỷ XIX đến nay, cảng Lạch Trường do vị trí biển thuận lợi nên tiếp tục được khai thác là cảng cá và là nơi như chợ đầu mối bán các loại hải sản của địa phương, và cũng là nơi neo đậu để trú bão mỗi khi cần.

4. Một số nhận xét

Ở khu vực cửa biển Lạch Trường, cư dân Gò Trũng có mặt từ cách đây gần 5.000 năm, họ đã biết chế tạo công cụ để đánh cá. Tiếp nối là cư dân Hoa Lộc, sống cách đây khoảng 4.000 năm, họ biết chế tạo rất nhiều công cụ thậm chí là chế tác mũi khoan, đặc biệt họ đã biết làm nông nghiệp bằng cuốc đá. Và sang những năm đầu Công nguyên, khi chính quyền phương Bắc đến cai trị vùng Cửu Châu, thì Lạch Trường trở thành nơi giao lưu, buôn bán. Lạch Trường phát triển rực rỡ vào giai đoạn thời Trần - Lê sơ, khi trở thành trung tâm kinh tế, chính trị của cả khu vực Bắc Thanh Hóa. Và đến giữa thế kỷ XVI, Lạch Trường dần suy thoái và hoàn toàn đánh mất vai trò thương cảng chính của Thanh Hóa vào đầu thế kỷ XVIII.

Cảng Lạch Trường ít được quan tâm, nghiên cứu dưới góc độ khảo cổ học, do sự thay đổi của dòng chảy, sự bồi lấp của cửa biển mà ngay nay rất khó phát hiện các dấu tích khảo cổ học trên bề mặt ở cửa Lạch Trường. Trong đợt khảo sát này, đã phát hiện khu vực thôn Phù Ninh, xã Hoa Lộc là nơi có tiềm năng để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của khu vực cửa biển Lạch Trường.

Cảng Lạch Trường cùng với hệ thống cảng biển lân cận như Vân Đồn, Hội Triều, Biện Sơn, Hội Thống đã tạo nên hệ thống thương cảng nội địa, mạng lưới liên kết rộng, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ phong kiến.

Chú thích:

Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025, mã số: KCH/NV/2025-09, Tên nhiệm vụ: ***Điều tra, nghiên cứu khảo cổ cửa biển Lạch Trường, Thanh Hóa*** do Viện Khảo cổ học chủ trì thực hiện, ThS Đinh Thị Thanh Nga làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU DẪN

BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUỐC GIA, VIỆN NGHIÊN CỨU DI SẢN VĂN HÓA BIỂN HÀN QUỐC 2020. *Thương cảng cổ Việt Nam, tập II.*

BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA 2018. *Địa chí Hậu Lộc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

BÙI VĂN LIÊM (Cb) 2017. *Báo cáo sơ bộ kết quả thăm dò di tích Hoa Lộc (xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc. Thanh Hóa)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

BÙI VĂN LIÊM, NGUYỄN THƠ ĐÌNH, JUDITH CAMERON 2017. *Kết quả phân tích niên đại di chỉ Hoa Lộc (Thanh Hóa).* Tư liệu Viện Khảo cổ học.

BÙI VINH, NGUYỄN KHẮC SỬ 1978. Khai quật Gò Trũng (Thanh Hóa). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1976.* Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 56-59.

ĐÀO DUY ANH 1962. *Đất nước Việt Nam qua các đời.* Nxb. Sử học.

ĐỖ THỊ THÙY LAN 2010. Tàu Grol năm 1637 vào Đàng Ngoài ở cửa sông nào?. *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6: 65-76.

GUSTAVE DUMOUTIER 1896. Nghiên cứu bản đồ cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV. Trong *Địa lý lịch sử và mô tả*, số 2-1986. Bản dịch của Nguyễn Văn Trường 2020. Nxb. Hà Nội

HOÀNG XUÂN CHINH 2014. Đôi điều về một bảo vật quốc gia: Cây đèn đồng người quỳ tại Lạch Trường, Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2013*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 202-205.

NGUYỄN VĂN CHUYÊN 2020. *Các thương cảng ven biển Bắc Trung Bộ thế kỷ X-XIX*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.

NGUYỄN THƠ ĐÌNH 2023. *Báo cáo kết quả thăm dò khảo cổ học tại Cồn Mả Hờ và khu dân cư mới Hoa - Phú Lộc (xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc. Thanh Hóa)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

NGUYỄN NGỌC MÊN, NGUYỄN VĂN HẢO 1977. Quan hệ địa tầng của di chỉ Gò Mả Hờ và di chỉ Gò Trũng (Thanh Hóa). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1976*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 72-75.

OLOV JANSE 2001. *Bí mật cây đèn hình người: Hành trình khảo cổ học ở Đông Nam Á*. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

PHẠM VĂN ĐẤU, BÙI THỊ LÝ 1998. Về khu di tích gốm sứ mới phát hiện ở thành phố Thanh Hóa. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1997*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 556-557.

PHẠM VĂN ĐẤU 1999. *Văn hóa Hoa Lộc*. Nxb. Văn hóa Thông tin.

PHẠM TẤN 2016. Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh. *Chùa xứ Thanh, tập 1*. Nxb. Thanh Hóa: 204, 208.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN 2003. *Đồng Khánh Dư địa chí*, Tập 2. Nxb. Thế giới.

TRẦN TRỌNG DƯƠNG 2020. Cửa biển Việt Nam thế kỷ XV: Những khúc xạ địa lý học lịch sử. Trong *Tia sáng*, số 5.

TRỊNH CAO TƯỞNG 2002. *Điều tra Khảo cổ học một số thương cảng cổ ở miền Bắc Việt Nam từ TK XIX - TK XVII*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

VŨ DUY TRỊNH 1998. Sưu tập gốm sứ cổ phát hiện tại vùng thương cảng hệ thống sông Lạch Trường (Thanh Hóa). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1997*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 558-559.

ARCHAEOLOGICAL SURVEY AT LẠCH TRƯỜNG ESTUARY (THANH HÓA PROVINCE) IN 2025

ĐINH THỊ THANH NGA

The Lạch Trường Estuary is an area with a long history of human habitation, dating back to the Neolithic period and continuing through the early Bronze Age. By the first ten centuries of the Common Era, this place had already become one of the centers of cultural exchange, particularly with the North - most clearly evidenced by the large number of brick tombs discovered here. This area flourished during the Trần and Early Lê dynasties (13th - 15th centuries), when the Lạch Trường was one of the main and most important ports of Thanh Hóa and of Đại Việt as a whole. A variety of goods such as ceramics, forest products, and aquastic resources were collected and exchanged at this port. Together with adjacent ports, Lạch Trường formed part of an extensive trade network, contributing significantly to the economic and social development of the region. By the 17th century, Lạch Trường gradually declined in importance, and by the early 18th century it had completely lost its status as a major port.

Despite its considerable historical depth, this area has received limited attention from archaeologists. Aside from excavations conducted to clarify aspects of the Hoa Lộc culture, other sites in the vicinity have been subject only to preliminary surveys. Due to changes in river courses and coastal accretion, the archaeological traces of the ancient port have been largely buried beneath sediments. This surveys have revealed several locations where glazed ceramic and stoneware fragments of Vietnamese and Chinese origin were found, dating from the 13th - 18th centuries, with the majority belonging to the 13th - 16th centuries.